

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

3-
TY
H
DÁ
T
2-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Đại Phong	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Văn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đạt Trung	Thành viên
Ông Trịnh Danh Nhưường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Đại Phong	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đạt Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Danh Nhưường	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty bao gồm:

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Ngọc Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Thành Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vũ	Thành viên

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Đại Phong - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bùi Đại Phong
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giống Gia súc Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021 từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2019-072-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.984.030.211	60.717.464.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.744.595.389	22.516.171.986
1. Tiền	111		12.744.595.389	15.375.611.058
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.140.560.928
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.321.165.868	19.076.668.561
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.793.112.910	15.104.264.956
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		144.768.400	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		184.858.880	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.233.273.678	4.052.381.605
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(34.848.000)	(79.978.000)
IV. Hàng tồn kho	140		8.798.268.954	14.104.624.195
1. Hàng tồn kho	141	V.7	8.798.268.954	14.104.624.195
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.000.000	20.000.000
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	120.000.000	20.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.161.080.498	172.409.469.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	15.524.186.100
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	15.524.186.100
II. Tài sản cố định	220		94.398.853.353	85.653.333.850
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	94.398.853.353	85.653.333.850
- Nguyên giá	222		126.633.007.510	109.950.076.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.234.154.157)	(24.296.742.408)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.802.436.307	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.3	17.802.436.307	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.020.000.000	70.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.5	34.020.000.000	70.020.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		939.790.838	1.211.950.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	939.790.838	1.211.950.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191.145.110.709	233.126.934.738

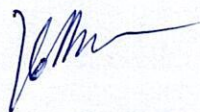
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.433.502.309	107.834.891.086
I. Nợ ngắn hạn	310		33.416.737.704	35.718.126.481
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9b	6.769.029.389	17.159.747.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	325.583.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	819.351.975	850.170.552
4. Phải trả người lao động	314		354.716.900	596.103.128
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	1.423.326.842	2.572.046.325
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	16.188.071.754	13.597.456.666
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	7.468.780.000	500.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		70.268.000	96.025.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		323.192.844	20.994.260
II. Nợ dài hạn	330		36.016.764.605	72.116.764.605
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	36.016.764.605	72.116.764.605
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.711.608.400	125.292.043.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	114.381.453.570	114.181.952.203
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.100.000.000	110.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.100.000.000	110.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(49.773.384)	(49.773.384)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.389.000.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.942.226.954	4.131.725.587
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.942.226.954	4.131.725.587
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.330.154.830	11.110.091.449
1. Nguồn kinh phí	431	V.14	1.900.454.066	4.030.210.355
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.15b	5.429.700.764	7.079.881.094
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191.145.110.709	233.126.934.738




Nguyễn Thị Phương Linh
 Người lập biểu



Nguyễn Thế Ân
 Kế toán trưởng




 Bùi Đại Phong
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Kiểm Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		60.391.020.755	60.407.306.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	60.391.020.755	60.407.306.928
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.086.106.226	55.921.502.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		304.914.529	4.485.804.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.237.554.514	9.430.621.193
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	153.831.370	7.774.272.370
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		153.831.370	6.234.996.882
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.483.922.957	5.080.502.149
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(95.285.284)	1.061.651.161
10. Thu nhập khác	31	VI.6	5.198.259.402	5.223.897.405
11. Chi phí khác	32	VI.7	2.160.747.164	2.416.136.378
12. Lợi nhuận khác	40		3.037.512.238	2.807.761.027
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.942.226.954	3.869.412.188
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.942.226.954	3.869.412.188
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	267	317
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		267	317

Nguyễn Thị Phương Linh
Người lập biểu

Nguyễn Thế Ân
Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2021

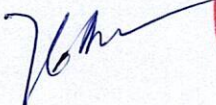
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

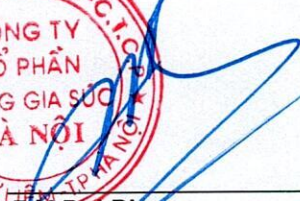
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	58.497.059.423	50.269.526.553
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(84.219.986.445)	(67.918.117.469)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.253.765.511)	(8.198.606.106)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(27.801.370)	(124.380.134)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(100.000.000)	(46.144.312)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	31.540.958.680	54.391.483.939
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.105.681.864)	(24.887.814.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.669.217.087)	3.485.948.229
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.708.138.239)	(583.836.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.390.588.000	2.756.881.840
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.099.997.500)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.915.138.620	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	36.000.000.000	52.016.600
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	650.049.609	9.218.126.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	35.147.640.490	6.443.188.538
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.590.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.840.000.000)	(1.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.250.000.000)	(1.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(9.771.576.597)	8.229.136.767
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.516.171.986	14.287.035.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.744.595.389	22.516.171.986



Nguyễn Thị Phương Linh
 Người lập biểu



Nguyễn Thế Ân
 Kế toán trưởng

Bùi Đại Phong
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 kiêm Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100114145 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Công ty có vốn điều lệ là 110.100.000.000 đồng tương ứng với 11.010.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng 1 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 97 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người).

Hoạt động chính

- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; Sản xuất và lưu trữ tinh trùng bò, lợn; Sản xuất và lưu trữ phôi bò; Sản xuất và lưu trữ trứng giống;
- Chế biến sữa và các hoạt động từ sữa; Hoạt động thú y (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Phá dỡ; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: chế biến và đóng hộp thịt; giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, thỏ, các loại gia cầm, lạc đà...; sản xuất thịt ướp lạnh, đông lạnh, thịt tươi dạng tấm, cắt nhỏ hoặc từng phần riêng; Chế biến, bảo quản thủy sản; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, tùy thuộc vào các sản phẩm của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 01 đơn vị hạch toán độc lập là Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội. Trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty có 03 công ty liên kết, thông tin khái quát về các công ty liên kết của Công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	Hà Nội	20%	20%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Hà Nội	20%	20%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền giống Gia súc	Hà Nội	20%	20%	Chăn nuôi lợn

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ công trình xây dựng tại doanh nghiệp" và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định là đàn bò và đàn lợn được theo dõi riêng từng đàn theo năm và theo số hiệu gắn trên tai.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	06 - 10
Đàn gia súc	04 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	187.149.453	34.120.311
Tiền gửi ngân hàng	12.557.445.936	15.341.490.747
Các khoản tương đương tiền	-	7.140.560.928
Cộng	12.744.595.389	22.516.171.986

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	3.066.703.664	5.789.098.200
Công ty CP Xây dựng Thủy lợi và Thương mại Thăng Long	2.055.881.420	2.973.471.950
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	-	4.412.120.200
Trung tâm phát triển Nông nghiệp Hà Nội	511.200.000	310.366.000
Công ty TNHH XNK Thương mại và Dịch vụ Đại Dương	547.500.000	290.000.000
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	-	153.552.000
Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Hà Nội	-	145.852.726
Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Minh	-	586.201.000
Công ty CP Xây dựng công trình Trường Thịnh	388.271.000	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Vĩnh Hưng	596.893.500	-
Dự án BBB điều chỉnh	920.000.000	-
Ông Lê Công Loan	3.797.336.100	-
Các khách hàng khác	909.327.226	443.602.880
Cộng	12.793.112.910	15.104.264.956

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số VII.1) - 4.412.120.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Xây dựng kho Kiêu Kỳ (*)	17.802.436.307	-
Cộng	17.802.436.307	-

(*) Theo quyết định số 2253/QĐ-UB ngày 24 tháng 03 năm 2003; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 082916 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 11 năm 2005; Thông báo số 418/TB-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2009, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống Gia Súc Hà Nội) lập phương án sử dụng tài sản và diện tích đất tại xã Kiêu Kỳ, huyện Gia Lâm để khai thác, sử dụng cơ sở chuồng trại, chăn nuôi thuộc Dự án xây dựng trại lợn giống Ông Bà. Ngày 21 tháng 01 năm 2015, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống Gia Súc Hà Nội) đã gửi Công văn số 45/CV-GGS đề xuất UBND Hà Nội cho khai thác, sử dụng nhằm tránh để hoang hóa, lãng phí tài sản trong thời gian chờ UBND thành phố cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang phát triển khu dân cư, nhà ở đô thị. Theo văn bản số 1877/UBND-KT ngày 20 tháng 05 năm 2020, UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương cho phép Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội được sử dụng tài sản, kho tàng, nhà cửa trại lợn giống Kiêu Kỳ để làm kho chứa thức ăn gia súc. Theo đó, trong năm 2020 Công ty đã tiến hành cải tạo, sửa chữa dự án nêu trên để làm nhà kho chứa thức ăn gia súc.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khác ngắn hạn		
Tạm ứng	372.280.000	702.500.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ ký cược ngắn hạn	113.436.000	290.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	-	212.495.095
Phải thu ngắn hạn khác	8.747.557.678	2.847.386.510
- Tiền cổ tức được nhận từ Công ty CP Nhà Mỹ Xuân	4.724.000.000	924.000.000
- Phải thu các đối tượng thuộc mô hình hỗ trợ mua lợn - DA Lợn hữu cơ	1.896.726.233	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.126.831.445	1.923.386.510
Cộng	9.233.273.678	4.052.381.605
b. Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	4.743.000.000	924.000.000

5. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	1.500.000.000		1.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	28.520.000.000		28.520.000.000	
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân	4.000.000.000		40.000.000.000	
Cộng	34.020.000.000	(*)	70.020.000.000	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, do các Công ty liên kết này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết nêu trên.

6. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chăn nuôi xuất dùng phân bổ từ 02 đến 03 năm	939.790.838	1.211.950.046
Cộng	939.790.838	1.211.950.046

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	799.888.076	-	1.470.817.721	-
Công cụ, dụng cụ	41.416.992	-	54.476.896	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.629.660.458	-	10.232.021.992	-
Thành phẩm	4.327.303.428	-	2.347.307.586	-
Cộng	8.798.268.954	-	14.104.624.195	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Đàn gia súc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	71.268.589.676	27.712.352.902	2.891.620.000	202.891.000	7.874.622.680	109.950.076.258
Mua trong năm	-	50.000.000	-	-	4.703.000.000	4.753.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.555.731.000	1.910.801.032	-	-	-	5.466.532.032
Tăng dần do chăn nuôi	-	-	-	-	10.439.664.000	10.439.664.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(3.476.264.780)	(3.476.264.780)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhận tài trợ	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm	74.824.320.676	29.673.153.934	2.891.620.000	202.891.000	19.041.021.900	126.633.007.510
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	16.782.101.416	5.275.049.423	1.299.089.334	120.272.470	820.229.765	24.296.742.408
Khấu hao trong năm	4.246.844.368	1.834.902.539	220.512.000	26.167.671	954.521.752	7.282.948.330
Khấu hao từ TSCĐ nhận tài trợ	-	488.564.500	-	-	633.333.333	1.121.897.833
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(264.656.636)	(264.656.636)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhận tài trợ	-	-	-	-	(202.777.778)	(202.777.778)
Số dư cuối năm	21.028.945.784	7.598.516.462	1.519.601.334	146.440.141	1.940.650.436	32.234.154.157
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	54.486.488.260	22.437.303.479	1.592.530.666	82.618.530	7.054.392.915	85.653.333.850
Số dư cuối năm	53.795.374.892	22.074.637.472	1.372.018.666	56.450.859	17.100.371.464	94.398.853.353

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1.802.233.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.405.231.106 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền giống gia súc	1.433.641.000	1.433.641.000	-	-
Công ty TNHH XNK Thương mại và Dịch vụ Đại Dương	947.850.000	947.850.000	4.515.660.000	4.515.660.000
Công ty TNHH TM DV Nông nghiệp Minh Anh	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Thái	-	-	7.502.590.300	7.502.590.300
Công ty TNHH MTV Bảo Linh	508.800.000	508.800.000	1.095.250.000	1.095.250.000
Công ty TNHH Boss Việt Nam	-	-	882.550.000	882.550.000
Ông Đỗ Văn Xuất	2.100.000.000	2.100.000.000	-	-
Các khách hàng khác	478.738.389	478.738.389	3.163.697.250	3.163.697.250
Cộng	6.769.029.389	6.769.029.389	17.159.747.550	17.159.747.550
Trong đó: phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	1.433.641.000	1.433.641.000	-	-

10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Số đã thực nộp trong năm		Số đầu năm	
	VND	Số phải nộp trong năm VND	VND	Số đầu năm VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.000.000	-	100.000.000	20.000.000	20.000.000	
Cộng	120.000.000	-	100.000.000	20.000.000	20.000.000	
b) Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	791.290.600	1.724.974.082	1.742.099.361	808.415.879	808.415.879	
Thuế thu nhập cá nhân	28.061.375	24.025.375	37.718.673	41.754.673	41.754.673	
Cộng	819.351.975	1.748.999.457	1.779.818.034	850.170.552	850.170.552	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cho thuê nhà xưởng tại văn phòng	52.727.273	4.000.000
Cho thuê nhà xưởng tại xí nghiệp	1.370.599.569	2.568.046.325
Cộng	1.423.326.842	2.572.046.325

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	52.211.168
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	234.059
Lãi vay phải trả	9.960.614.631	9.960.614.631
Dự án BBB điều chỉnh	5.069.056.689	2.012.800.002
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.158.400.434	1.571.596.806
Cộng	16.188.071.754	13.597.456.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	7.468.780.000	7.468.780.000	7.708.780.000	240.000.000	-	-
Vay cá nhân (i)	7.468.780.000	7.468.780.000	7.708.780.000	240.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	7.468.780.000	7.468.780.000			500.000.000	500.000.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	36.016.764.605	36.016.764.605	-	36.600.000.000	72.616.764.605	72.616.764.605
Ông Nguyễn Đình Công	-	-	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Từ Liêm	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (ii)	6.496.764.605	6.496.764.605	-	36.000.000.000	42.496.764.605	42.496.764.605
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh (iii)	20.960.000.000	20.960.000.000	-	-	20.960.000.000	20.960.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư P.H (iii)	8.560.000.000	8.560.000.000	-	-	8.560.000.000	8.560.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Từ Liêm	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Cộng	36.016.764.605	36.016.764.605			72.116.764.605	72.116.764.605

(i) Khoản vay các cá nhân với lãi suất 0%-7%/năm. Tài sản bảo đảm là tài sản của bên thứ ba và các khoản phải thu của hợp đồng thi công xây dựng công trình.

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings theo hợp đồng số 01/2019/PH-GGS ngày 7 tháng 1 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 01/2019/PH-GGS ngày 15 tháng 06 năm 2020, khoản vay này chịu lãi suất trong năm 2019 là 14%/năm. Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid nên khoản vay được hưởng lãi suất 0%. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư vào dự án X3. Thời hạn của khoản vay kể từ ngày Công ty nhận được tiền vay cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

- (iii) Vay theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 263/2015/HĐHTĐT ngày 20 tháng 6 năm 2015 giữa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội), Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư P.H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu đất có diện tích khoảng 24.000 m² tại tổ 15 phường Cầu Diễn, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư P.H sẽ hỗ trợ phần vốn góp vào dự án nêu trên để thực hiện dự án. Khoản vay này sẽ được hoàn trả khi việc đầu tư dự án được hoàn tất và phân chia thành quả của dự án theo tỷ lệ tham gia đã được các bên thống nhất tại hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên.

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	110.100.000.000	(49.773.384)	-	262.313.398	110.312.540.014
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.869.412.189	3.869.412.189
Số dư đầu năm nay	110.100.000.000	(49.773.384)	-	4.131.725.587	114.181.952.203
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	2.942.226.952	2.942.226.952
Chia cổ tức	-	-	-	(2.202.000.000)	(2.202.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(380.725.584)	(380.725.584)
Chi thường HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.389.000.000	(1.389.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	110.100.000.000	(49.773.384)	1.389.000.000	2.942.226.954	114.381.453.570

(*) Công ty thực hiện chi cổ tức, trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và Chi thường HĐQT và Ban điều hành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 257/NQ-DHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
UBND thành phố Hà Nội	66.389.000.000	66.389.000.000
Các cổ đông khác	43.711.000.000	43.711.000.000
Cộng	110.100.000.000	110.100.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.010.000	11.010.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.010.000	11.010.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.010.000</i>	<i>11.010.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.010.000	11.010.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.010.000</i>	<i>11.010.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

15. Nguồn kinh phí

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguồn kinh phí đầu năm	4.030.210.355	493.541.963
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	24.323.537.465	41.812.693.000
Chi sự nghiệp	26.453.293.754	38.276.024.608
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	1.900.454.066	4.030.210.355

16. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguồn kinh phí đầu năm	7.079.881.094	-
Nguồn kinh phí nhận được trong năm	-	8.079.800.000
Nguồn kinh phí giảm trong năm	1.650.180.330	999.918.906
- <i>Khấu hao TSCĐ nhận được từ nguồn kinh phí</i>	<i>1.121.897.833</i>	<i>399.918.906</i>
- <i>Giảm khác</i>	<i>528.282.497</i>	<i>600.000.000</i>
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	5.429.700.764	7.079.881.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Hà Nội. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được phân làm các phòng, ban và chỉ quản lý hoạt động chăn nuôi bò, lợn cùng hoạt động xây dựng. Trong năm, doanh thu từ hoạt động xây dựng chiếm 10,79%. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.391.020.755	60.407.306.928
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	44.291.893.966	41.409.207.485
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	8.855.723.781	11.968.583.813
Doanh thu hợp đồng xây lắp	7.243.403.008	6.517.675.630
Doanh thu trợ giá	-	511.840.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.391.020.755	60.407.306.928
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)</i>	5.082.170.454	7.357.866.360

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	44.197.451.868	38.401.141.136
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	8.813.201.941	10.961.872.662
Giá vốn hợp đồng xây lắp	7.075.452.417	6.558.488.643
Cộng	60.086.106.226	55.921.502.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
 Cổ tức, lợi nhuận được chia
 Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
	437.554.514	506.621.193
	3.800.000.000	8.924.000.000
	4.237.554.514	9.430.621.193

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay
 Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư
 Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
	153.831.370	6.234.996.882
	-	1.539.275.488
	153.831.370	7.774.272.370

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý
 Chi phí đồ dùng văn phòng
 Chi phí khấu hao tài sản cố định
 Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi
 Thuế, phí và lệ phí
 Các khoản chi phí quản lý khác
 Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
	3.188.182.930	3.029.535.499
	231.830.500	142.993.462
	391.470.505	391.470.505
	(45.130.000)	-
	62.305.000	70.190.300
	655.264.022	1.446.312.383
	4.483.922.957	5.080.502.149

6. Thu nhập khác

Cho thuê mặt bằng
 Các khoản thu dịch vụ khác
 Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
	4.248.678	5.189.897.405
	1.010.724	34.000.000
	5.259.402	5.223.897.405

7. Chi phí khác

Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
 Các khoản phạt vi phạm hành chính
 Các khoản chi phí dịch vụ khác
 Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
	82.144	1.689.128.623
	4380	86.712
	1.2940	726.921.043
	2.1604	2.416.136.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.942.226.954	3.869.412.188
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận theo kế toán	(3.753.257.620)	(8.924.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	46.742.380	-
Chi phí không được trừ	46.742.380	-
Các khoản điều chỉnh giảm	3.800.000.000	8.924.000.000
Chuyển lỗ	-	-
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết trong năm	3.800.000.000	8.924.000.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(811.030.666)	(5.054.587.812)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.942.226.954	3.869.412.188
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(380.725.584)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm (*)	-	(380.725.584)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.942.226.954	3.488.686.604
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.010.000	11.010.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	267	317

Giá trị Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 257/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2020, do đó lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa được điều chỉnh phần quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 257/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020 của Công ty như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.869.412.188	-	3.869.412.188
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(380.725.584)	(380.725.584)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(380.725.584)	(380.725.584)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.869.412.188	-	3.488.686.604
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.010.000	-	11.010.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	351	(35)	317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.908.781.310	11.827.331.596
Chi phí nhân công	7.905.306.571	18.322.218.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.968.368.968	5.592.992.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.554.198.011	25.027.428.994
Chi phí khác bằng tiền	186.750.624	3.546.215.949
Cộng	48.523.405.484	64.316.188.217

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
UBND thành phố Hà Nội	Cơ đồng lớn
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	Công ty liên kết
Công ty CP Nhà Mỹ Đình	Công ty liên kết
Công ty CP Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	5.082.170.454	7.357.866.360
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	4.979.625.000	5.698.750.000
Công ty CP Giống gia súc Việt Nam	-	1.659.116.360
Công ty CP Nhà Mỹ Đình	102.545.454	-
Mua hàng	-	5.623.280.000
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	-	5.623.280.000
Nhận cổ tức	3.800.000.000	8.924.000.000
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	3.800.000.000	8.924.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính 2020:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	4.412.120.200
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	-	4.412.120.200
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.433.641.000	-
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	1.433.641.000	-
Các khoản phải thu khác ngắn hạn	4.743.000.000	924.000.000
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	19.000.000	-
Công ty CP Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	4.724.000.000	924.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, thưởng và thù lao	1.055.242.700	949.915.500
Cộng	1.055.242.700	949.915.500

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Phương Linh
Người lập biểu



Nguyễn Thế Ân
Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2021